

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/KDTM-ST**
Ngày 15/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm (yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ thanh toán tiền phí bảo hiểm)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tấn Ba
2. Ông Nguyễn Văn Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền phí bảo hiểm)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 17 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM, ngày 04 tháng 3 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ: Số 26 T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Anh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn B- Chức vụ: Giám đốc Công ty B; địa chỉ: số 655 đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy ủy quyền số 2118a/2021-BM/VP ngày 01/11/2021; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 20/3/2022;

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Xây dựng C;

Địa chỉ: Lô 1, Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh T- Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Nguyên vào các năm 2008 và năm 2009, giữa Công ty Bảo Minh Q(sau đây viết là: B) và Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng C(sau đây viết là: Công ty C) có ký các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới và hợp đồng bảo hiểm con người, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số AD1195/08H155000, ngày 10/12/2008; phương tiện được bảo hiểm là xe cơ giới hiệu Puyuan, số đăng ký là 76LA-0148; số máy: 150G137691, số khung: L5E5H4D377; phí bảo hiểm phải thanh toán là: 36.165.000đồng; thời hạn bảo hiểm là 01 năm, kể từ lúc 7 giờ 00 phút ngày 11/12/2008 đến 7 giờ 00 phút, ngày 11/12/2009.

2. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số AD0463/09H155000, ngày 30/01/2009; phương tiện được bảo hiểm là xe cơ giới hiệu ZomLion, số đăng ký là 76LA-0162, số máy: 1507G148007, số khung: 001613; phí bảo hiểm phải thanh toán là 28.285.000đồng; thời hạn bảo hiểm là 01 năm, kể từ lúc 7 giờ 00 phút ngày 30/01/2009 đến 7 giờ 00 phút, ngày 30/01/2010.

3. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 0806/2009-HĐBH, ngày 08/6/2009; phương tiện được bảo hiểm là xe ô tô biển kiểm soát là 76K-9016; phí bảo hiểm phải thanh toán là: 5.934.700đồng; thời hạn bảo hiểm là 01 năm, kể từ lúc 7 giờ 00 phút ngày 02/6/2009 đến 7 giờ 00 phút, ngày 02/6/2010.

4. Hợp đồng bảo hiểm tai nạn con người số AD003/2009IB55, ngày 01/01/2009; Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-013, ngày 01/01/2009; Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-014, ngày 01/01/2009; tổng số người được bảo hiểm là 27 người; phí bảo hiểm phải thanh toán là: 5.670.000đồng; thời hạn bảo hiểm là 06 tháng, kể từ ngày 09/12/2009 đến ngày 09/6/2010.

Tổng số phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới là 70.384.000đồng và phí bảo hiểm con người là 5.670.000đồng; tổng cộng là 75.517.900đồng (bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, chín trăm đồng).

Sau khi ký hợp đồng, Công ty C đã thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng nêu trên như sau:

Hợp đồng/ Phụ lục Ngày/tháng/năm	Số tiền theo hợp đồng đã ký kết	Số tiền đã thanh toán ĐVT: Đồng	Ngày thanh toán	Số tiền còn nợ ĐVT: Đồng
-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	--------------------	--------------------------------

	ĐVT: Đồng			
HĐ số: AD1195/08H155000 Ngày 10/12/2008	36.165.000	0		36.165.000
HĐ số: AD0463/09H155000 Ngày 30/01/2009	28.285.000	15.274.000	23/12/2008	13.011.000
HĐ số: 0806/2009-HĐBH Ngày 08/6/2009	5.934.700	0		5.934.700
HĐ số: AD003/2009IB55 Ngày 01/01/2009	1.663.200	1.663.200	01/01/2009	0
PL bổ sung số AD0003/2009IB500- 013 của HĐ số AD003/2009IB55, ngày 09/12/2009	1.965.600	0		1.965.600
PL bổ sung số AD0003/2009IB500- 014 của HĐ số AD003/2009IB55, ngày 10/12/2009	2.041.200	0		2.041.200
Tổng cộng	76.054.700	16.937.200		59.117.500

Kể từ lần thanh toán cuối cùng (ngày 01/7/2009) cho đến nay, giữa các bên đã nhiều lần tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ; B đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm còn lại của các hợp đồng như trên nhưng Công ty C không thực hiện. Nay Tổng Công ty Cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm còn nợ phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết như trên cho Tổng Công ty Cổ phần B, tổng số tiền phải thanh toán là 59.117.500đồng (năm mươi chín triệu, một trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó: nợ phí theo các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới là: 55.110.700đồng; nợ phí theo hợp đồng bảo hiểm con người là: 4.006.800đồng. Tuy nhiên, tại Đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện ghi ngày 20/3/2022, đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần B yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện đối với khoản nợ phí theo hợp đồng bảo hiểm con người, với số tiền là: 4.006.800đồng, trong đó; số tiền nợ 1.965.600đồng theo Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-013 của Hợp đồng bảo hiểm số AD003/2009IB55, ngày 09/12/2009 và số tiền nợ 2.041.200đồng theo Phụ lục bổ sung số

AD0003/2009IB500-014 của Hợp đồng bảo hiểm số AD003/2009IB55, ngày 10/12/2009 và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 khoản nợ này.

Về lãi chậm thanh toán: Không yêu cầu.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Đối với bị đơn Công ty C, đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 73/2021/TBTL-VA ngày 02/3/2021 và Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 06/TB-TA ngày 18/3/2022 nhưng đại diện Công ty C không có văn bản phản hồi ý kiến. Ngày 12/8/2021, Tòa án đến trụ sở của bị đơn để làm việc về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không tiến hành làm việc được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm là không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về pháp luật áp dụng:

Các Điều 7, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 59 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ của các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 55.110.700đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.006.800đồng theo Phụ lục bổ sung số: AD0003/2009IB500-013, ngày 09/12/2009 và Phụ lục bổ sung số: AD0003/2009IB500-014, ngày 09/12/2009 với số tiền là: 4.006.800đồng, với lý do: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 73/2021/TBTL-VA ngày 02/3/2021 và Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 06/TB-TA ngày 18/3/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17/02/2022, Giấy triệu tập đương sự số: 28/GTT-TA ngày 17/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/QĐST-KDTM ngày 04/3/2022, Giấy triệu tập đương sự số: 52/GTT-TA ngày 04/3/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2022 nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản phản hồi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do hoặc không do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Căn cứ vào các điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quyền khởi kiện: B là đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Cổ phần B theo Quyết định số: 27/GP/KDBH ngày 08/9/2004 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Do đó, Tổng Công ty Cổ phần B được quyền khởi kiện đối với các tranh chấp về giao dịch/hợp đồng phát sinh từ hoạt động của B.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: B và Công ty C có ký kết các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới và hợp đồng bảo hiểm con người, với tổng giá trị các hợp đồng là 76.054.700đồng. Tổng Công ty Cổ phần B khởi kiện cho rằng: Công ty C đã thanh toán cho B số tiền là 16.937.200đồng; số tiền còn lại là 59.117.500đồng đến nay chưa thanh toán nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng nêu trên là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm); loại việc Tổng Công ty Cổ phần B khởi kiện đối với Công ty C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu tranh chấp hợp đồng thương mại nên không xem xét.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán đối với các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện tại văn bản đối chiếu, xác nhận công nợ có ký tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu Công ty của hai bên thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định giữa các bên đã ký kết các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới, đã thanh toán một phần phí bảo hiểm, số tiền còn nợ của các hợp đồng được xác định như sau:

- Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới: số AD1195/08H155000, ngày 10/12/2008: Số tiền mua bảo hiểm là 36.165.000đồng; số tiền đã thanh toán là 0 đồng; đã xác

nhận công nợ theo Thư xác nhận công nợ phí bảo hiểm ngày 19/7/2010, theo đó hai bên xác nhận số tiền còn nợ là: 36.165.000đồng.

- Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số AD0463/09H155000, ngày 30/01/2009: Số tiền mua bảo hiểm là 28.285.000đồng; số tiền đã thanh toán là 15.274.000đồng; đã xác nhận công nợ theo Thư xác nhận công nợ phí bảo hiểm ngày 19/7/2010, theo đó hai bên xác nhận số tiền còn nợ là: 13.001.000đồng.

- Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 0806/2009-HĐBH, ngày 08/6/2009: Số tiền mua bảo hiểm là 5.934.700đồng; số tiền đã thanh toán là 0đồng; đã xác nhận công nợ theo Thư xác nhận công nợ phí bảo hiểm ngày 19/7/2010, theo đó hai bên xác nhận số tiền còn nợ là 5.934.700đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 73/2021/TBTL-VA ngày 02/3/2021 và Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 06/TB-TA ngày 18/3/2022 cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về quyền, nghĩa vụ của bị đơn có liên quan đến giao kết theo các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới; số tiền còn nợ như nguyên đơn yêu cầu khởi kiện.

Từ ngày giữa các bên tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ cho đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần gửi Thông báo yêu cầu bị đơn phải thanh toán công nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Từ ngày Tòa án tổng đạt các Thông báo nêu trên cho bị đơn để bị đơn có ý kiến về yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới như trên nhưng đến ngày xét xử (15/4/2022), bị đơn Công ty C không có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, thì bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra thì nguyên đơn không phải chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Thư đối chiếu công nợ như trên để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trên cơ sở Thư xác nhận công nợ như trên, xác định: Công ty C còn nợ chưa thanh toán phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới như trên, với số tiền nợ là: 55.110.700đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Tại Đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện ghi ngày 20/3/2022, đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần B yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện đối với khoản nợ phí theo hợp đồng bảo hiểm con người, với số tiền là: 4.006.800đồng, trong đó; số tiền nợ 1.965.600đồng theo Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-013 của Hợp đồng bảo hiểm số AD003/2009IB55, ngày 09/12/2009 và số tiền nợ 2.041.200đồng theo Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-014 của Hợp đồng bảo hiểm số AD003/2009IB55, ngày 10/12/2009 và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 khoản nợ này. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện như trên. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án dân sự khác đối với yêu cầu khởi kiện rút một phần nội dung khởi kiện.

[3] *Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:* Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[3.1] Buộc Công ty C phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm với số tiền là: 2.755.535đồng (*hai triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng*).

[3.2] Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 1.477.937đồng (*một triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*).

[4] *Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn:* Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 7, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 59 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần B về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Xây dựng C thanh toán tiền phí bảo hiểm xe cơ giới, với số tiền 55.110.700đồng.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Xây dựng C có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Cổ phần B số tiền còn nợ phát sinh theo các Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới: số AD1195/08H155000, ngày 10/12/2008; Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số AD0463/09H155000, ngày 30/01/2009; Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 0806/2009-HĐBH, ngày 08/6/2009 và 03 Thư xác nhận công nợ phí bảo hiểm cùng ngày 19/7/2010, với tổng số tiền phải thanh toán là: **55.110.700đồng** (*Năm mươi lăm triệu, một trăm mười một nghìn, bảy trăm đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần B về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Xây dựng C thanh toán tiền phí bảo hiểm tai nạn con người, với số tiền là: 4.006.200đồng theo Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-013, ngày 01/01/2009 và Phụ lục bổ sung số AD0003/2009IB500-014, ngày 01/01/2009 kèm theo Hợp đồng bảo hiểm tai nạn con người số AD003/2009IB55, ngày 01/01/2009.

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện đình chỉ giải quyết như trên.

3. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

3.1. Buộc Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm với số tiền là: 2.755.535 đồng (*hai triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng*).

3.2. Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần B tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 1.477.937 đồng (*một triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/04466 ngày 17/01/2012 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai có mặt nguyên đơn, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/4/2022).

Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở của bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại

